

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thái Khắc Thân

2. Ông Đinh Công Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân–Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hồng– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXX-ST ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H– sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 25 đường C, tổ 2, khu phố P, phường M, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K– sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 25 đường C, tổ 2, khu phố P, phường M, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Bà Lê Thị H trình bày: Bà H và Ông Nguyễn Văn K qua một thời gian tìm hiểu thì đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 16/02/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông K gia trưởng không cho bà được có ý kiến trong các vấn đề sinh hoạt, công việc trong gia đình nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, đôi khi còn xảy ra xô xát. Tháng 7/2019 bà H và ông K chuyển từ Nam Định

vào phường M sinh sống với mong muốn môi trường sống mới vợ chồng sẽ cùng nhau hòa thuận làm ăn nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện mà càng trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng đã chính thức sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/4/2013. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của mình, không bổ sung gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông K thống nhất về thời gian và điều kiện đăng ký kết hôn như bà H đã trình bày. Ông xác định vợ chồng chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát nên không tìm thấy hạnh phúc khi chung sống. Từ đầu năm 2020 đến nay ông và bà H đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Do đó bà H yêu cầu ly hôn thì ông K đồng ý.

Về con chung: Ông K thống nhất có 01 con chung như bà H đã trình bày. Trường hợp ly hôn, ông K không đồng ý giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng vì ông cho rằng ông có khả năng nuôi cháu T tốt hơn bà H. Ông K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông K vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, tuy nhiên ông bổ sung thêm ý kiến như sau: Trường hợp Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng thì ông sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị H đối với Ông Nguyễn Văn K như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/4/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng của ông K cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà H, ông K phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các đương sự hiện đang cư trú tại thị xã M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà H, ông K là tranh chấp về ly hôn, nuôi con là những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị H và Ông Nguyễn Văn K là hợp pháp, do cả hai đã tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 quyền số 01 ngày 16/02/2011.

Sau khi cưới cả bà H và ông K đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát, không tìm thấy hạnh phúc khi chung sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ đầu năm 2020 đến nay bà H và ông K đã chính thức sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông K, ông K cũng đồng ý ly hôn với bà H. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà H, ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà H và ông K.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị H và Ông Nguyễn Văn K đều xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/4/2013; bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Ông K cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con, điều kiện nuôi con của bà H và ông K thì thấy: Từ khi bà H và ông K sống ly thân, cháu T được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T có nguyện vọng được sống với bà H, bà H hiện nay đang kinh doanh tiệm Spa tại thị xã M với mức thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng

do đó bà H có công việc và thu nhập ổn định, đồng thời không hạn chế về thời gian nên có thể đưa đón cháu T học hành hàng ngày. Ông K cũng có mong muốn được trực tiếp nuôi con nhưng hiện nay ông đang làm nghề cơ khí, công việc tự do chưa ổn định về thu nhập và nơi ở nên không thể có điều kiện chăm sóc cháu T tốt nhất. Tại phiên tòa ông K cũng xác định trường hợp giao con cho ông nuôi thì ông sẽ đưa cháu T về Nam Định sinh sống cùng ông và ông bà nội của cháu. Xét thấy hiện nay cháu T đang học lớp 2 tại trường tiểu học M, được bà H cho học hành ổn định nên trường hợp giao con cho ông K nuôi thì sẽ phải thay đổi nơi ở, môi trường sống và môi trường học tập của cháu làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Do đó để bảo đảm sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần đối với cháu Thạch, xem xét nguyện vọng của cháu đồng thời cháu T còn nhỏ cần được mẹ chăm sóc nhiều hơn nên giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên ông K xác định trường hợp ông không được trực tiếp nuôi con thì ông sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy mặc dù bà H không yêu cầu nhưng đây là sự tự nguyện của ông K, đồng thời để bảo đảm cho cháu T có cuộc sống tốt, đảm bảo mức sinh hoạt hàng ngày của cháu, cần ghi nhận việc ông K cấp dưỡng nuôi cháu Thạch số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H có nghĩa vụ phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Lê Thị H đối với Ông Nguyễn Văn K về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và Ông Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc Ông Nguyễn Văn K giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/4/2013 cho Bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi cháu T số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu) kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Văn K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001037 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, (7a,7b) và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Hiền

